

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HS-ST

Ngày: 28 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hợp; Bà Hà Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST - HS, ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn T (tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 04/10/1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Lương Văn S, sinh năm: 1958 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986 (đã ly hôn), chưa có con

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0012701/QĐ-XPHC ngày 05/8/2020 của Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt T 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Tại quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục đối với T trong thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2021 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1. Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 2002 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm , xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2000 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm R, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: 1. Anh Triệu Văn L, sinh năm 1993 (Có mặt)

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 11/7/2021, Lương Văn T đến khu vực suối K thuộc xóm T, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để tắm suối. Khi T đang tắm thì nước suối đục nên T đi dọc theo bờ suối đến đoạn suối gần bãi chè nhà ông Đỗ Xuân Đ, sinh năm: 1955 (người cùng xóm với T) để tắm. Đến nơi, T nhìn thấy một nhóm thanh niên đang tắm suối nên T tiếp tục đi lên khu vực suối có tảng đá, cách chỗ nhóm thanh niên đang tắm khoảng 07 mét để tắm. Khi đến tảng đá, T nhìn thấy 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone không có người trông coi quản lý (Sau xác định là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen của chị Trần Thị Minh T, sinh năm: 2002, trú tại: xóm , xã P, huyện Đại Từ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu trắng xám của anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 2000, trú tại: xóm R, xã B, huyện Đại Từ đang để ở tảng đá). T nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại để sử dụng cho bản thân. T dùng tay phải trộm 02 chiếc điện thoại (rồi tắt nguồn 02 chiếc điện thoại) và đem cất giấu vào trong bụi cây gần khu vực bãi chè nhà ông Lương Văn S (cách vị trí anh H và chị T tắm khoảng 100 mét) sau đó đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày T đi đến nhà anh Triệu Đình L (sinh năm: 1993, người cùng xóm với T) chơi. Tại nhà L, T nói với L là T nhặt được 02 chiếc điện thoại di động của khách tắm suối làm rơi và T sẽ cho L 01 chiếc điện thoại di động để L dùng rồi T nhờ L chở T đến chỗ T cất giấu điện thoại. Khi L chở T đến đoạn đường đất gần bãi chè nhà ông S, T xuống xe một mình đi bộ đến chỗ cất giấu điện thoại lấy 02 chiếc điện thoại mang ra đưa cho L cầm. Nghĩ là T nhặt được điện thoại nên L cất 02 chiếc điện thoại vào cốp xe mô tô của L rồi L đưa T về nhà L. Tại nhà L, T đưa cho L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 plus màu trắng xám còn T giữ lại 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus để dùng. Sau khi được T cho điện thoại, L đã lắp sim điện thoại của L vào để dùng và vứt chiếc sim cũ đi khu vực đường rẽ vào nhà L. Còn T cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 plus về nhà sử dụng. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày T cầm chiếc điện thoại trộm cắp được mang đến nhà L nhờ L giữ hộ rồi T đi chơi. Còn L mang 02 chiếc điện thoại cất giấu vào góc cây cổng nhà chị Lê Thị L (sinh năm: 1971, người cùng xóm). Sau đó T đi chơi đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày T về nhà thì Công an xã L, huyện Đại Từ mời đến trụ sở để làm việc. Do biết mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về phía bị hại chị T và anh H sau khi phát hiện bị mất điện thoại đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã L và Công an huyện Đại Từ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Qua điều tra truy xét, Cơ quan điều tra Công an

huyện Đại Từ đã làm rõ T trộm cắp điện thoại của chị T và anh H đồng thời thu giữ được 02 chiếc điện thoại và 01 chiếc sim như nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận tội của T phù hợp với các tài liệu chứng cứ điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 chiếc điện thoại di động: Tại kết luận định giá tài sản số 34 ngày 18/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Đại Từ kết luận tại thời điểm ngày 11/7/2021:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPHONE 6 PLUS, màu trắng xám có giá trị là 1.000.000 đồng

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen có giá trị là 2.500.000 đồng.

+ 01 phong bì niêm phong ký hiệu S1, bên trong là 01 chiếc sim điện thoại thu giữ của Triệu Đình L.

Toàn bộ vật chứng hiện đang được bảo quản, lưu giữ tại Kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Về phần trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra chị Tâm và anh Hoan không yêu cầu gì đối với Lương Văn T.

Bản cáo trạng số 110/CT-VKSĐT ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Văn Tạo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 và Điều 38 BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Không xem xét.

Vật chứng: Hoàn trả:

1. Chị Trần Thị Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen (trong phong bì ký hiệu B);

2. Anh Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu trắng xám (trong phong bì ký hiệu C) và 01 phong bì niêm phong ký hiệu S1 bên trong là 01 sim điện thoại Viettel.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh tụng, bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 11/7/2021, bị cáo đến khu vực suối Kẹm thuộc xóm T, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để tắm suối, khi bị cáo đang tắm thì nước suối đục nên bị cáo đi dọc theo bờ suối đến đoạn suối gần bãi chè nhà ông Đỗ Xuân Đ để tắm. Đến nơi, bị cáo nhìn thấy một nhóm thanh niên đang tắm suối nên bị cáo tiếp tục đi lên khu vực suối có tảng đá, cách chỗ nhóm thanh niên đang tắm khoảng 07 mét để tắm. Khi đến tảng đá, bị cáo nhìn thấy 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone không có người trông coi quản lý, bị cáo nảy sinh ý định và trộm cắp 02 chiếc điện thoại để sử dụng cho bản thân, bị cáo dùng tay phải trộm 02 chiếc điện thoại (rồi tắt nguồn 02 chiếc điện thoại) và đem cất giấu vào trong bụi cây gần khu vực bãi chè nhà ông Lương Văn S cách vị trí nhóm thanh niên đang tắm khoảng 100 mét) sau đó bị cáo đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày bị cáo đi đến nhà anh Triệu Đình L và nói với L là bị cáo nhặt được 02 chiếc điện thoại di động của khách tắm suối làm rơi và bị cáo sẽ cho L 01 chiếc điện thoại di động để L dùng rồi bị cáo nhờ L chở bị cáo đến chỗ cất giấu điện thoại. Khi L chở bị cáo đến đoạn đường đất gần bãi chè nhà ông S, bị cáo xuống xe một mình đi bộ đến chỗ cất giấu điện thoại lấy 02 chiếc điện thoại mang ra đưa cho L cầm. Về nhà bị cáo đưa cho L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 plus màu trắng xám còn bị cáo giữ lại 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus để dùng. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày bị cáo về nhà thì Công an xã L, huyện Đại Từ mời đến trụ sở để làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản. Số tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự có giá trị là 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)

Lời khai của bị hại chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn H có trong hồ sơ: Khoảng 15 giờ chị T, anh H cùng nhóm bạn có tắm suối tại khu vực Suối K thuộc Xóm T, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và có để điện thoại tại tảng đá gần suối. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì anh H phát hiện mất điện thoại, anh H, chị T đã trình báo Công an giải quyết. Tòa án xét xử đối với bị cáo Lương Văn

T là người trộm cắp tài sản, chị T, anh H đề nghị được xin lại điện thoại để sử dụng. Về trách nhiệm dân sự không đề nghị gì, về hình phạt đề nghị xem xét theo pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Kết quả khám nghiệm hiện trường, Vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự...

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng từ 15 giờ 30 phút ngày 11/7/2021 tại khu vực Suối K thuộc Xóm T, xã L huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên Lương Văn T đã trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Minh Tâm, anh Nguyễn Văn H có tổng giá trị theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự có giá trị là 3.500.000 đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Hành vi trên của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 173 BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, trong vụ án này là tài sản của chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn H, hành vi đó không những gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương mà còn gây bất bình trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm minh mới bảo đảm được tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong quá trình nghị án HĐXX xem xét tình tiết bổ đề bị cáo là ông Lương Văn S là thương binh hạng 2/4 (là người có công với cách mạng khi tham gia kháng chiến) nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng, bị cáo không lấy đó để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà bị cáo cố ý phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm minh.

[7] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử

phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không việc làm ổn định, không thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về dân sự: Quá trình điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[10] Vật chứng: 01 điện thoại di động của chị Trần Thị Minh T nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen (trong phong bì ký hiệu B); 01 phong bì niêm phong ký hiệu S1 bên trong là 01 sim điện thoại Viettel cùng 01 điện thoại di động của anh Nguyễn Văn H nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu trắng xám (trong phong bì ký hiệu C) cần hoàn trả cho chị T, anh H là phù hợp.

Liên quan đến vụ án: Triệu Đình L là người được T đưa cho cầm 02 chiếc điện thoại di động sau đó L để điện thoại ở cổng nhà chị Lê Thị L. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định khi T đưa điện thoại cho L cầm thì T không nói và L không biết chiếc điện thoại là tài sản do T trộm cắp mà có. Chị L không biết cất giấu điện thoại ở cổng nhà mình. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý đối với L, chị L.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lương Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/7/2021.

Quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

- Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về dân sự: Không xem xét.

Vật chứng: Hoàn trả chị Trần Thị Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen (trong phong bì ký hiệu B); Hoàn trả anh Nguyễn Văn H 01 sim điện thoại Viettel phong bì niêm phong ký hiệu S1 cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu trắng xám (trong phong bì niêm phong bì ký hiệu C).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 99/QĐ - VKS ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

- Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Thi hành án hình sự (02b);
- Bị cáo; bị hại;
- Thông báo cho UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI